

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL SPINDLE 10
----------------	----------------

## 1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SPINDLE 10
Đặc tính chung	Hydrocacbon dầu mỏ và phụ gia
Phân loại nguy hiểm	Không có dữ liệu
Ứng dụng	Dầu trục quay
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	SHL CO., LTD. Văn phòng ở Seoul Keumwoong BLDG, 5F 298 Jungdae-ro, Songpa-gu, Seoul, Korea TEL (+82-2) 443-0230/4 FAX (+82-2) 443-0235 Nhà máy 56, Taejanggongdan-gil, Wonju-si, Kangwon-do, Korea TEL (82-33) 734-5060 FAX (82-33) 734-5034
Tên nhà cung cấp	SHL CO., LTD.
Phòng ban	Phòng kỹ thuật

## 2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

### PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Không áp dụng

### NHÃN

#### Hình GHS

Không áp dụng

#### Từ kí hiệu

Không áp dụng

#### Báo cáo nguy hiểm

Không phân loại là chất nguy hiểm theo tiêu chuẩn GHS.

#### Biện pháp phòng ngừa

##### Ngăn ngừa

Không có dữ liệu.

##### Biện pháp đối phó

Không phân loại là chất nguy hiểm theo tiêu chuẩn GHS.

##### Bảo quản

P410+403: Tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản nơi thoáng mát.

##### Xử lý

P501: Xử lý chất và thùng chứa theo các quy định ở địa phương.

### NGUY HIỂM KHÁC

#### Nguy hiểm sức khỏe

Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô và nứt da.

Hơi chất lỏng có thể gây buồn ngủ hay chóng mặt.

Hít phải có thể gây các vấn đề về phổi.

#### Chỉ số NFPA

Paraffinic nặng đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy : 1, Phản ứng : 0

## 3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Paraffinic nặng đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-54-7	100

---

---

## 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

---

---

### MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

#### Dính vào mắt

Rửa mắt với nhiều nước trong 20 phút.

Nhận điều trị y tế.

#### Dính vào da

Nhận điều trị y tế.

Cởi bỏ quần áo hay giày dép bị nhiễm bẩn.

Nếu ăn hay nuốt phải, không được hô hấp nhân tạo, sử dụng thiết bị hô hấp thích hợp.

#### Hít phải

Nếu tiếp xúc hơi khói quá mức, di chuyển ra nơi thoáng khí, nhận điều trị y tế nếu có triệu chứng như ho.

Nhận điều trị y tế nếu xảy ra kích ứng, đau hay các phản ứng phụ khác.

Nếu ăn hay hít phải, không hô hấp nhân tạo, sử dụng thiết bị hô hấp thích hợp.

#### Nuốt phải

Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Nếu ăn hay hít phải, không hô hấp nhân tạo, sử dụng thiết bị hô hấp thích hợp.

#### Lời khuyên từ thầy thuốc

Nếu tiếp xúc, điều trị khẩn cấp.

---

---

## 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

---

---

### PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

#### Phương tiện chữa cháy thích hợp

Hóa chất khô, khí CO<sub>2</sub>, nước, bột chữa cháy.

#### Phương tiện chữa cháy không thích hợp

Không có dữ liệu

### CHẤT NGUY HIỂM TẠO RA TRONG QUÁ TRÌNH CHÁY

Chất độc sinh ra.

Khói lửa, sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

### HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY

Sơ tán khu vực.

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, dùng nước để làm mát các bề mặt vật liệu tiếp xúc với lửa.

Sử dụng nước để làm mát các bồn, thùng chứa, và các cấu trúc tiếp xúc với lửa.

Chống cháy ở bồn nằm ngang từ bên cạnh bồn chứa.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA)

Dùng bình xịt nước để làm mát các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa.

**Điểm chớp cháy [Phương pháp]:** 190 °C (ASTM D93)

**Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % xấp xỉ trong không khí):** Không dữ liệu

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Không dữ liệu

---

---

## 6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

---

---

### BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh tiếp xúc với các chất bị tràn ra.

Thay quần áo bị nhiễm bẩn bằng đồ mới.

Mang mặc nạ hô hấp hay thông khí khi làm việc trong phòng kín.

Tắt tất cả các nguồn tiếp xúc và loại bỏ các nguồn bắt lửa.

Trong trường hợp thông khí không tốt, mang mặc nạ hô hấp.

### BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tránh gây ô nhiễm nước.

Không để chất ra ngoài môi trường tự nhiên.  
Xử lý chất như chất thải để tránh gây ô nhiễm nước.  
Nếu khu vực bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng chất hấp phụ.

#### **BIỆN PHÁP LÀM SẠCH**

Sử dụng cát hoặc thiết bị hấp thụ không dễ cháy.  
Thu lại các chất bị phơi nhiễm vào trong một thùng chứa thích hợp để xử lý chúng.

---

### **7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN**

---

#### **THẬN TRỌNG XỬ LÝ AN TOÀN**

Tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa/ ngọn lửa/ bề mặt nóng. Không hút thuốc.  
Tránh tiếp xúc với da. Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.  
Các thùng chứa rỗng có thể còn lại chất dư thừa chbao gồm chất hay hơi dễ cháy nổ  
Không làm việc gần thùng chứa rỗng.  
Tránh hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun.  
Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc những nơi thông khí.

**Nhiệt độ khi chất/ tải hàng:** Môi trường xung quanh

**Nhiệt độ khi vận chuyển:** Môi trường xung quanh

**Áp suất khi vận chuyển:** Môi trường xung quanh

#### **ĐIỀU KIỆN LƯU TRỮ AN TOÀN**

Bảo quản chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.  
Lưu trữ nơi thông thoáng và mát.  
Niêm phong thùng chứa và không tác động vật lý lên thùng chứa.

**Nhiệt độ lưu trữ:** Môi trường xung quanh

**Áp suất lưu trữ:** Môi trường xung quanh

---

### **8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN**

---

#### **GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP**

Giới hạn tiếp xúc : TWA : 5mg/m<sup>3</sup> / STEL : 10mg/m<sup>3</sup> (mist) (ACGIH TLV, OSHA PEL)

#### **KIỂM SOÁT KỸ THUẬT**

Lắp đặt hệ thống thông khí thích hợp với thực hành kỹ thuật tốt để giữ cho nồng độ sương dầu dưới PEL.  
Kiểm tra nếu sự phơi nhiễm thích hợp trong các tiêu chuẩn phơi nhiễm.

#### **BẢO VỆ CÁ NHÂN**

##### **Bảo vệ đường hô hấp**

Mang mặt nạ hô hấp khi cần nếu thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với chất hoặc tiếp xúc quá mức.  
Mặt nạ sẽ được Cơ quan An toàn và Sức khỏe Lao động Hàn Quốc chứng nhận.

##### **Bảo vệ mắt**

Mang kính bảo hộ hóa học để ngăn ngừa tiếp xúc mắt từ tán xạ vật liệu hoặc chất lỏng độc hại.  
Lắp đặt hệ thống phun rửa cho mắt gần nơi làm việc.

##### **Bảo vệ tay**

Mang găng tay chống hóa chất, nếu cần.

##### **Bảo vệ cơ thể**

Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất.

---

### **9. THÔNG TIN LÝ HÓA**

---

Hình thức tự nhiên	Màu vàng nhạt trong suốt
Mùi	Mùi hydrocacbon nhẹ
pH	Không áp dụng
Nhiệt độ nóng chảy	< -12 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Nhiệt độ chớp cháy	190 °C (ASTM D93)
Sự Oxi hóa	Ổn định

Tính dễ cháy	Cháy nếu trên điểm chớp cháy
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	<0.5 Pa at 20°C
Sự hòa tan trong nước	Không đáng kể
Mật độ hơi	> 1 (Air=1)
Trọng lượng riêng	0.84 (15/4 °C)
Hệ số phân phối	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân tán	Không có dữ liệu
Độ nhớt	11.0 cSt (40 °C)
Trọng lượng phân tử	Không có dữ liệu

---

## 10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

---

### Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, cho việc sử dụng ở điều kiện bình thường.

### Khả năng sinh ra các chất nguy hiểm trong quá trình phản ứng

Không cháy nổ, nếu phản ứng với chất oxi hóa mạnh.

### Điều kiện và chất nên tránh

Tránh các nguồn bắt lửa, quá nhiệt và chất oxi hóa mạnh.

### Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Sản phẩm phân hủy do nhiệt. Có thể bao gồm các hợp chất carbon độc hại (ví dụ CO).

---

## 11. THÔNG TIN CÁC CHẤT GÂY ĐỘC

---

### THÔNG TIN VỀ NGUY CƠ KHẨN CẤP & NGUY HẠI

#### Dính vào mắt

Có thể gây kích ứng nhẹ.

#### Dính vào da

Có thể gây kích ứng nhẹ.

### THÔNG TIN CÁC CHẤT GÂY ĐỘC

#### Độc tính cấp tính đường miệng

LD50 >15000 mg/kg Thử nghiệm trên chuột

#### Độc tính cấp tính đối với da

LD50 >5000 mg/kg Thử nghiệm trên chuột

#### Độc tính cấp tính khi hít phải

LC50 5.0 mg/L trong 4 giờ Thử nghiệm trên chuột

#### Kích ứng da

Kích ứng nhẹ.

#### Kích ứng mắt

Kích ứng nhẹ.

#### Nhạy cảm với hô hấp

Không áp dụng

#### Nhạy cảm với da

Không mong đợi gây nhạy cảm da.

#### Độc tính cấp tính

Không có dữ liệu

#### Độc tính liều lặp lại

Không mong đợi là chất nguy hiểm.

#### Biến đổi gen

Không áp dụng

#### Độc tính sinh sản

Không áp dụng

#### Tính gây ung thư

Chiết suất DMSO bởi IP 346 của dầu thấp hơn 3%.

Không phân loại là chất gây ung thư.

#### Hít phải

Không áp dụng

#### Lời khuyên bác sĩ

Không áp dụng

---

## 12. THÔNG TIN SINH THÁI

---

### ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

#### Độc tính thủy sinh mãn tính

Không mong đợi là chất độc cho môi trường thủy sinh.

#### Cá

Acute - LL/EL50 > 100 mg/l, Chronic- NOEC/NOEL > 100 mg/l

**Loài giáp xác**

Acute - LL/EL/IL50 > 100mg/l

**Tảo**

Độc tính thấp - LL/EL/IL50 > 100mg/l

**TRÊN MẶT ĐẤT**

Nổi trên nước

**TÍNH PHÂN HỦY SINH HỌC**

Dễ dàng phân hủy sinh học.

**ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY**

**KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC:** Không có dữ liệu

---

---

**13. XEM XÉT XỬ LÝ****QUY ĐỊNH THỰC HIỆN VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

Phân loại theo chất thải đã quy định.

**BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Xử lý trong một hệ thống tự xử lý hợp pháp hoặc thông qua các công ty xử lý chất thải.

**CHÚ Ý KHI XỬ LÝ** Theo các tiêu chuẩn chi tiết của Luật quản lý chất thải.

**CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG**

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết nước và cất trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

---

---

**14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

**Phân loại và quy định theo luật vận chuyển và lưu trữ trên tàu theo Luật an toàn tàu biển đối với chất nguy hiểm**

Không quy định

**Chú ý trong vận chuyển**

Không có dữ liệu

**Chất ô nhiễm biển**

Không có dữ liệu

**Phân loại và Quy định Theo Luật Giao thông Vận tải**

Không quy định vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR/RID, IATA/ICAO.

---

---

**15. THÔNG TIN CÁC QUY ĐỊNH**

**Luật kiểm soát chất độc**

Không áp dụng

**Luật kiểm soát an toàn khí áp cao**

Không áp dụng

**Luật quản lý an toàn của mặt hàng nguy hiểm**

Thuộc loại dầu thứ ba trong phân loại chất nguy hiểm thứ tư.

**Quy định theo luật nước ngoài**

CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) : Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

TSCA: Đã liệt kê

---

---

**16. CÁC THÔNG TIN KHÁC****Nguồn**

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề

nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

**Viết ngày**

30/11/2016

**Số sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày**

Rev. 0

30/11/2016

**Các tài liệu tham khảo khác**

Dữ liệu và lời khuyên đưa ra áp dụng khi sản phẩm được bán phù hợp với các ứng dụng đã nêu ra. Sản phẩm sẽ không thích hợp để sử dụng cho các ứng dụng khác. Nếu sử dụng sản phẩm này với mục đích khác sẽ gây ra các rủi ro có thể đề cập hoặc không đề cập trong bảng này. Do đó, không nên tự ý sử dụng sản phẩm khi chưa có sự tìm hiểu hay tư vấn từ chúng tôi.

Nếu cung cấp sản phẩm cho bên thứ 3, nên thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo rằng người xử lý hoặc sử dụng sản phẩm nắm được thông tin trong bảng này.

Đối với chủ sản xuất, nên thông tin đến công nhân hoặc những người khác để biết đến các mối nguy hiểm hoặc các chú ý để họ được nắm rõ.